

Số: 4001 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 27 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 36/2009/QH11 ngày 19/6/2009 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ;
- Căn cứ Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Chương II của Điều lệ Trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của hiệu trưởng trường đại học;
- Căn cứ vào vào nhu cầu công tác của Trường;
- Xét đề nghị của Ông Trưởng Phòng Quản lý Khoa học Trường Đại học Cần Thơ,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Nay ban hành "**Quy chế Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Cần Thơ**" (đính kèm quyết định này).
- Điều 2.** Các đơn vị Khoa, Viện, Trung tâm, Bộ môn trực thuộc và các Phòng ban chức năng liên quan của Trường, căn cứ vào văn bản quy định của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ trong công tác sở hữu trí tuệ.
- Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng, Thủ trưởng các Khoa, Viện, Trung tâm, Bộ môn trực thuộc và cán bộ viên chức trong Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: P.QLKH, P.KHTH.



QUY CHẾ

Về Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Cần Thơ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4001 ngày 27 tháng 10 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) trong Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Mục tiêu quản lý hoạt động SHTT

Quản lý hoạt động SHTT nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính nhà trường.

Điều 3. Tài sản trí tuệ trong Trường Đại học Cần Thơ

Tài sản trí tuệ (TSTT) là quyền SHTT và các tài sản khác (quyền đối với sáng kiến, giải pháp hợp lý hóa,...) phát sinh từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 4. Các nội dung quản lý hoạt động SHTT

Quy định về quản lý hoạt động SHTT gồm có các nội dung cơ bản sau:

1. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT;
2. Xây dựng quy trình, thủ tục phát hiện, khai báo TSTT; triển khai xác lập quyền và khai thác thương mại TSTT của cá nhân, tập thể, tổ chức và của trường;
3. Xác định quyền sở hữu đối với TSTT của cá nhân, tập thể, tổ chức và của trường;

4. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia thu nhập từ hoạt động khai thác thương mại TSTT;

5. Xây dựng kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính cho hoạt động SHTT;

6. Quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người học và các chủ thể khác tham gia vào các hoạt động của trường đối với quyền SHTT và thi hành quy chế về quản lý hoạt động SHTT;

7. Kiểm tra việc thực thi quyền SHTT;

8. Xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm;

9. Các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động SHTT trong Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

Điều 5. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT

1. Căn cứ nhu cầu và điều kiện phát triển hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ; thành lập bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT, trực thuộc Phòng Quản lý Khoa học.

2. Bộ phận chuyên trách có chức năng giúp Phòng Quản lý Khoa học quản lý hoạt động SHTT, thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động SHTT;

b. Xây dựng văn bản quản lý hoạt động SHTT;

c. Tổ chức việc ghi nhận, khai báo, quản lý TSTT;

d. Tổ chức, thực hiện thủ tục xác lập quyền SHTT;

đ. Giám sát việc thực thi quyền SHTT;

e. Tổ chức khai thác thương mại TSTT;

f. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn bản hướng dẫn cụ thể các nội dung trong quy chế của các tổ chức và cá nhân trong trường, định kỳ hàng năm và 05 năm tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý về hoạt động SHTT để xây dựng định hướng, chiến lược phát triển trong 05 năm tiếp theo; thực hiện chế độ báo cáo, đề xuất mức độ và hình thức khen thưởng hoặc xử lý vi phạm;

g. Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện quy chế phù hợp với sự phát triển của trường trong từng giai đoạn.

Điều 6. Phát hiện, khai báo, ghi nhận TSTT

1. Các đối tượng quyền SHTT phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải được các cá nhân, tổ chức có liên quan phát hiện và thông báo cho bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT của trường;

2. Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT ghi nhận, phát hiện, quản lý TSTT và hỗ trợ các biện pháp xác lập kịp thời quyền sở hữu theo đúng quy định của pháp luật, nhằm hạn chế khả năng bỏ sót hoặc thất thoát TSTT.

Điều 7. Xác định quyền sở hữu đối với TSTT

1. Quyền sở hữu đối với TSTT được xác định tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực để tạo ra TSTT, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

2. Trường phải dành một phần quyền sở hữu cho tác giả tạo ra TSTT nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo.

3. Người học được hưởng một phần hoặc toàn bộ quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản đối với khóa luận (đồ án), luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học trên cơ sở được người hướng dẫn khoa học, các cộng sự chấp thuận và được trường xác nhận. Việc sử dụng cơ sở vật chất của trường để thực hiện khóa luận (đồ án), luận văn, luận án và công trình nghiên cứu khoa học tuân theo quy chế quản lý liên quan.

4. Nếu các tổ chức, cá nhân có đầu tư nguồn lực cho việc thực hiện khóa luận (đồ án), luận văn, luận án của người học thì quyền sở hữu được xác định phù hợp với khoản 1 của điều này.

Điều 8. Xác định quyền công bố đối với TSTT

1. Quyền công bố đối với TSTT là kết quả nghiên cứu được tạo ra trong hoạt động của trường thuộc về trường, không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra TSTT, trừ trường hợp các bên tham gia có thỏa thuận khác, và việc công bố không được làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác thương mại TSTT của chủ sở hữu.

2. Trong trường hợp trường không thực hiện việc công bố trong một thời hạn hợp lý do trường quy định mà không có lý do thỏa đáng, tác giả của các kết quả nghiên cứu được thực hiện quyền công bố.

Điều 9. Bảo mật thông tin

Tập thể, cá nhân, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT và những người tham gia hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ có nghĩa vụ bảo mật các

thông tin liên quan trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ có khả năng ảnh hưởng đến quyền công bố, xác lập quyền SHTT và khai thác thương mại TSTT của đơn vị.

Điều 10. Xác lập quyền sở hữu trí tuệ

1. Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT là đầu mối tổ chức và thực hiện việc xác lập quyền SHTT.

2. Nghĩa vụ lưu giữ và bảo vệ các tài liệu, chứng cứ hỗ trợ việc xác lập quyền SHTT của các tổ chức và cá nhân được thực hiện theo văn bản quản lý hoạt động SHTT.

3. Đối với TSTT được xác định thuộc quyền của nhiều chủ sở hữu, kể cả chủ sở hữu ngoài trường, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT chịu trách nhiệm hỗ trợ xác lập quyền đối với TSTT này.

4. Đối với TSTT như: bí mật kinh doanh, tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác, khi đáp ứng các điều kiện luật định, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT tiến hành lưu giữ và bảo vệ các chứng cứ về việc phát sinh quyền sở hữu đối với các TSTT này.

5. Đối với TSTT như: sáng chế, giống cây trồng và các đối tượng khác phải xác lập quyền sở hữu theo cơ chế đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc đối với TSTT như tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình và các đối tượng khác có thể đăng ký để giảm thiểu nghĩa vụ chứng minh quyền, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật SHTT.

6. Chi phí xác lập quyền SHTT do các chủ sở SHTT liên quan chi trả theo tỷ lệ quyền sở hữu tương ứng. Chi phí xác lập quyền SHTT của trường được hạch toán trong kinh phí quản lý hoạt động khoa học công nghệ hàng năm.

7. Đối với TSTT bị bỏ sót không được ghi nhận lại cho đến khi đã nghiệm thu xong đề tài, dự án, đến thời điểm được phát hiện mà vẫn còn đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo pháp luật SHTT, bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thực hiện xác lập quyền SHTT đối với tài sản này.

Điều 11. Đánh giá khả năng khai thác thương mại TSTT

Trường thực hiện đánh giá khả năng khai thác thương mại TSTT theo các nội dung cơ bản sau:

1. Xác định các yếu tố có khả năng khai thác thương mại của TSTT;
2. Lập danh sách, phân tích và đánh giá đối tác tiềm năng có nhu cầu sử dụng TSTT;

3. Đánh giá hình thức khai thác thương mại khả thi.

Điều 12. Nguyên tắc khai thác thương mại TSTT

Hiệu trưởng quyết định việc khai thác thương mại TSTT theo các nguyên tắc sau:

1. Khai thác thương mại tối đa TSTT với các điều kiện thuận lợi nhất;
2. Ưu tiên chuyển giao cho các đồng sở hữu và các bên đã cùng tham gia vào quá trình tạo ra TSTT;
3. Trích một tỷ lệ nhất định của thu nhập từ hoạt động thương mại TSTT vào quỹ phát triển hoạt động sáng tạo trong trường.

Điều 13. Kế hoạch hoạt động SHTT

1. Kế hoạch hoạt động SHTT được xây dựng trong kế hoạch khoa học và công nghệ 05 năm và hàng năm, trên cơ sở định hướng phát triển của trường và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ trước đó. Kế hoạch hoạt động SHTT cần phù hợp với định hướng chiến lược phát triển các lĩnh vực ưu tiên, sản phẩm, ngành công nghiệp chủ lực của địa phương, bộ ngành và các yếu tố khác.

2. Nội dung cơ bản của kế hoạch hoạt động SHTT bao gồm:

- Mục tiêu và chiến lược về SHTT;
- Dự báo các TSTT được phát sinh và xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm cho các hoạt động SHTT;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật quốc gia và quốc tế về SHTT;
- Tổ chức hoạt động thông tin SHTT: xây dựng cơ sở dữ liệu SHTT phục vụ công tác quản lý và đáp ứng nhu cầu về thông tin của các tổ chức, cá nhân; trang bị phương tiện tra cứu, cung cấp tin (máy tính, phần mềm tra cứu,...) cho các tổ chức, cá nhân trong trường;
- Tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu đối với TSTT;
- Tổ chức tiếp nhận khai báo, đánh giá sơ bộ khả năng bảo hộ và tiềm năng thương mại các TSTT;
- Tổ chức việc xác lập quyền SHTT; phân tích đánh giá thị trường thương mại tiềm năng; tổ chức đàm phán, ký kết chuyển giao TSTT;
- Xây dựng các chương trình hỗ trợ phát triển hoạt động sáng tạo nhằm tạo ra tài sản trí tuệ;

- Tổ chức phối hợp với các cơ quan khác trong việc thực hiện hoạt động SHTT;
- Tổ chức kiểm tra việc thực thi quyền sở hữu đối với TSTT.

Điều 14. Tài chính cho hoạt động SHTT

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch tài chính cho hoạt động SHTT trong kế hoạch khoa học và công nghệ. Nguồn tài chính cho hoạt động SHTT gồm:

1. Vốn cấp từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
2. Vốn tài trợ, vốn vay từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
3. Vốn thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;
4. Vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
5. Vốn trích từ nguồn thu hợp pháp khác của trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Giải quyết tranh chấp về SHTT

1. Các tranh chấp về SHTT được khuyến khích giải quyết bằng hòa giải;
2. Bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT là đầu mối tổ chức hòa giải các tranh chấp về SHTT;
3. Trường hợp hòa giải không thành, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT đề xuất hướng xử lý cho Trường Phòng Quản lý Khoa học theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy chế về quản lý hoạt động SHTT được khen thưởng theo quy định của pháp luật;
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy chế về quản lý hoạt động SHTT tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và được thay thế cho các văn bản liên quan do Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ ban hành trước đây./.

HIỆU TRƯỞNG *nh*



Hà Thanh Toàn